

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn La

Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-DS ngày 02/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1974 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:** Chị chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T từ ngày 06/9/1991, trước khi cưới có tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn, vì khi đó chị thiếu khoảng 2 tháng tuổi, hai gia đình có tổ chức đám cưới, cưới xong chị về gia đình anh T làm ăn ngay và chung sống như vợ chồng với anh T, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong

thời gian chung sống hai người hòa thuận đến ngày 26/02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, nay chị thấy tình cảm như vợ chồng giữa anh T và chị không còn, đề nghị Tòa án xử công không công nhận vợ chồng giữa chị với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T sinh được hai con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/8/1993 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 16/8/1998. Hiện các con đều đã lớn trưởng thành xây dựng gia đình riêng, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:** Anh chung sống như vợ chồng với chị B từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn vì chị B thiếu 2 tháng tuổi, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị B có mâu thuẫn gia đình bình thường, bất hòa lời qua tiếng lại, nay chị B đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa hai người, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị B sinh được hai con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/8/1993 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 16/8/1998. Nay các con đã lớn trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị B vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị B vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử không công nhận chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung và tài sản; các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị B, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị B với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị B đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị với anh T, không đề nghị giải quyết về con chung và tài sản. Như vậy đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình, đề nghị tuyên bố không công nhận vợ chồng, không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị B vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn do chị B khi đó thiếu khoảng 2 tháng tuổi. Quá trình chung sống như vợ chồng giữa chị B và anh T hòa thuận đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hằng ngày, giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nay xét thấy tình cảm như vợ chồng giữa 2 người không còn, chị B đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa hai người, nhưng phía anh T không đồng ý. HĐXX xét thấy chị B và anh T chung sống với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cần tuyên bố không công nhận chị B và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, chị B và anh T sinh được hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1993 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 16/8/1998. Nay vì các con đều đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi nên cả chị B và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, nên HĐXX xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả chị B và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, chị B vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này xảy ra tranh chấp về tài sản thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2/ Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002998 Ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND thị trấn V, huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi